

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 119/2006/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam theo mô hình công ty mẹ - công ty con**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Nghị định số 153/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ về tổ chức, quản lý tổng công ty nhà nước và chuyển đổi tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình công ty mẹ - công ty con;

Xét đề nghị của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Hội đồng quản trị Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM
THEO MÔ HÌNH CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON
(Ban hành kèm theo Quyết định số 119/2006/QĐ-TTg
ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản của Điều lệ này quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “*Tổng công ty*” là Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam, là Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

b) “*Công ty con*” là doanh nghiệp hạch toán độc lập do Tổng công ty đầu tư 100% vốn điều lệ hoặc do Tổng công ty giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối được tổ chức dưới hình thức: công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài.

c) “*Công ty liên kết*” là công ty có cổ phần, vốn góp không chi phối của công ty mẹ, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài.

d) “*Quyền chi phối của Tổng công ty*” là quyền quyết định hoặc tác động của Tổng công ty đến các công ty con, công ty bị chi phối về điều lệ hoạt động, nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy quản lý, bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường tiêu thụ, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư và các vấn đề quan trọng khác được quy định tại điều lệ của công ty con, công ty bị chi phối hoặc theo thỏa thuận giữa Tổng công ty với công ty con, công ty bị chi phối đó.

d) “Cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng công ty” là cổ phần hoặc vốn góp của Tổng công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của công ty khác.

e) “Đầu tư ra ngoài Tổng công ty” là hoạt động đầu tư vốn của Tổng công ty vào các doanh nghiệp khác và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp nhà nước và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

3. Các tiêu đề được sử dụng nhằm mục đích thuận tiện khi tham khảo, không ảnh hưởng đến việc giải thích Điều lệ này.

Điều 2. Tên, trụ sở của Tổng công ty

1. Tên gọi đầy đủ của Tổng công ty:

TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM

2. Tên giao dịch quốc tế:

VIETNAM NATIONAL TOBACCO CORPORATION

3. Tên viết tắt và giao dịch: VINATABA

4. Biểu tượng (logo):

Hình lá thuốc lá cách điệu, bên dưới là hàng chữ Vinataba.



5. Trụ sở chính của Tổng công ty: số 25A Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 84.4.8265778

Fax: 84.4.8265777

Email: vitab@hcm.vnn.vn Website: www.vinataba.com.vn

6. Văn phòng đại diện: số 152 Trần Phú, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84.8.8354553

Fax: 84.8.8357681

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân của Tổng công ty

1. Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam là Tổng công ty nhà nước được thành lập theo Quyết định số 254/TTg ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ;

được chuyển đổi tổ chức, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con tại Quyết định số 232/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ và chuyển thành công ty mẹ do Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 327/2005/QĐ-TTg ngày 09 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổng công ty có:

a) Chức năng trực tiếp sản xuất kinh doanh và đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác; có các quyền và nghĩa vụ của công ty nhà nước quy định tại Luật Doanh nghiệp nhà nước; thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết;

b) Tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;

c) Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của mình;

d) Quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

đ) Trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam trước đây.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là:

a) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Tổng công ty và tại các doanh nghiệp khác; hoàn thành các nhiệm vụ do chủ sở hữu giao, trong đó có chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu;

b) Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Tổng công ty và tổ hợp công ty mẹ - công ty con;

c) Đa dạng hóa ngành, nghề kinh doanh, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, xây dựng và phát triển thành tập đoàn kinh tế mạnh, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế chung của đất nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

a) Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm thuốc lá, máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá, các vật tư, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho ngành thuốc lá;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Sản xuất kinh doanh thực phẩm và đồ uống;
- Sản xuất kinh doanh hàng may mặc;
- Kinh doanh du lịch lữ hành trong nước và quốc tế; vận chuyển hàng hóa, hành khách;
- Trồng trọt, chăn nuôi;
- Kinh doanh các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật.

b) Đầu tư vốn, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

Điều 5. Vốn điều lệ của Tổng công ty

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2005 là: 1.602.898.341.460 đồng (Một nghìn sáu trăm không hai tỷ, tám trăm chín mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng).

2. Khi tăng hoặc giảm vốn điều lệ, Tổng công ty đăng ký lại với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh.

Điều 6. Đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

Tổng giám đốc Tổng công ty là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Điều 7. Chủ sở hữu của Tổng công ty

1. Nhà nước là chủ sở hữu của Tổng công ty. Chính phủ thống nhất quản lý và tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng công ty. Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là các Bộ), Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu.

2. Hội đồng quản trị Tổng công ty là đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty, và là đại diện chủ sở hữu đối với các công ty do mình đầu tư toàn bộ vốn điều lệ.

Điều 8. Quan hệ của Tổng công ty với cơ quan nhà nước

1. Tổng công ty chịu sự quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty thực hiện các nghĩa vụ với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY****Điều 10. Quyền và nghĩa vụ về vốn và tài sản**

1. Tổng công ty có các quyền về vốn và tài sản sau:

a) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt vốn và tài sản của Tổng công ty để kinh doanh và thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý và sử dụng các tài sản là đất đai, tài nguyên do Nhà nước đầu tư, cho thuê theo quy định của pháp luật để hoạt động kinh doanh và thực hiện các hoạt động công ích khi được Nhà nước yêu cầu;

c) Chuyển nhượng, chuyển đổi, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của Tổng công ty, trừ những tài sản thuộc quyền quyết định của chủ sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Đầu tư ra ngoài Tổng công ty dưới các hình thức mua trái phiếu, cổ phiếu, liên doanh, góp vốn, chuyển nhượng vốn và các hình thức khác theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện quyền chủ sở hữu đối với phần vốn đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết theo quy định của Điều lệ này, Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty, điều lệ của các công ty con, công ty liên kết và quy định của pháp luật;

e) Quyết định tỷ lệ cổ phần do Tổng công ty nắm giữ khi cổ phần hóa các công ty con độc lập hoặc công ty hạch toán phụ thuộc công ty mẹ; sử dụng thu nhập thu được từ việc cổ phần hóa công ty nhà nước theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện các quyền và hưởng lợi ích khác đối với tài sản của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty có các nghĩa vụ về vốn và tài sản sau:

a) Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Tổng công ty và vốn Tổng công ty tự huy động, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số tài sản của Tổng công ty;

b) Chịu trách nhiệm dân sự bằng toàn bộ tài sản của Tổng công ty và trách nhiệm tương ứng với các khoản đầu tư ra ngoài Tổng công ty;

c) Định kỳ đánh giá lại tài sản của Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý tài chính Tổng công ty;

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ trong kinh doanh

1. Tổng công ty có các quyền kinh doanh sau:

a) Kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; mở rộng phạm vi quy mô kinh doanh theo khả năng của Tổng công ty và nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Chủ động tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu kinh doanh và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả;

c) Chủ động lựa chọn thị trường, khách hàng trong nước và ngoài nước, ký kết hợp đồng;

d) Mở chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổng công ty ở trong nước, ở nước ngoài phù hợp với các quy định của pháp luật;

đ) Tự quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ, trừ những sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

e) Quyết định các dự án đầu tư, xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng; sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty để liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác; thuê, mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác;

g) Sử dụng vốn của Tổng công ty hoặc vốn huy động để đầu tư thành lập các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; cùng với nhà đầu tư khác thành lập công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên;

h) Cử cán bộ, nhân viên ra nước ngoài học tập, công tác; mời các đối tác kinh doanh nước ngoài đến làm việc tại Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

i) Tuyển chọn, thuê, bố trí, sử dụng, đào tạo, kỷ luật, cho thôi việc đối với lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng phù hợp với yêu cầu kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật; được quyền quyết định mức lương và thưởng cho người lao động trên cơ sở các đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm, chi phí dịch vụ hoặc doanh thu và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

k) Xây dựng, áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật, lao động, vật tư, đơn giá tiền lương và chi phí khác trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật;

l) Được bảo hộ đối với sở hữu trí tuệ, tên gọi, biểu tượng, thương hiệu sản phẩm của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

m) Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào; trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;

n) Khước từ việc thanh tra, kiểm tra không theo đúng quy định của pháp luật;

o) Các quyền kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty có các nghĩa vụ kinh doanh như sau:

a) Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; bảo đảm chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Tổng công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký;

b) Xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh của Tổng công ty và định hướng chiến lược của các công ty con;

c) Thực hiện các quy định của pháp luật về vệ sinh - an toàn lao động; bảo vệ an ninh, quốc phòng; trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ tài nguyên, môi trường; di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh;

d) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và yêu cầu của chủ sở hữu nhà nước;

e) Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động, bảo đảm quyền tham gia quản lý Tổng công ty của người lao động theo quy định của pháp luật;

g) Chịu sự kiểm tra, giám sát của chủ sở hữu nhà nước; chấp hành các quyết định thanh tra của cơ quan tài chính, kiểm toán nhà nước và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

h) Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu nhà nước về việc sử dụng vốn để tham gia các dự án đầu tư, thành lập các công ty con, công ty liên kết;

i) Thực hiện các nghĩa vụ khác trong kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ về tài chính

1. Tổng công ty có quyền về tài chính như sau:

a) Huy động vốn để kinh doanh với hình thức phát hành trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu của Tổng công ty; vay vốn của các tổ chức ngân hàng, tín dụng, các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài Tổng công ty; huy động vốn của người lao động trong Tổng công ty và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu Tổng công ty.

Việc huy động vốn của các cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý vay nợ nước ngoài.

b) Quyết định mức trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình thực tế của tài sản và không thấp hơn mức khấu hao tối thiểu theo quy định của pháp luật.

c) Chủ động sử dụng vốn của Tổng công ty cho hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; sử dụng các quỹ của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

d) Được chi thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ; thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Các khoản tiền thưởng này được hạch toán vào chi phí kinh doanh trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty nhờ các sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý, công nghệ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, chi phí đem lại.

đ) Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư hoặc tái đầu tư theo quy định của pháp luật.

e) Không phải nộp thuế thu nhập đối với lợi nhuận đầu tư nếu các công ty con, công ty liên kết đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trước khi chia cho các bên góp vốn.

g) Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, chuyển lỗ theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập quỹ dự phòng tài chính; phần lợi nhuận thực hiện còn lại được phân chia theo nguồn vốn nhà nước đầu tư và nguồn vốn Tổng công ty tự huy động như sau:

- Phần lợi nhuận phân chia theo nguồn vốn nhà nước đầu tư được dùng để tái đầu tư tăng vốn nhà nước tại Tổng công ty hoặc hình thành quỹ tập trung để đầu tư vào các doanh nghiệp nhà nước khác thuộc lĩnh vực Nhà nước cần phát triển hoặc chi phối theo quy định của pháp luật;

- Phần lợi nhuận phân chia theo nguồn vốn công ty tự huy động được trích lập quỹ đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật; phần còn lại do Tổng công ty tự quyết định việc trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi; Trường hợp công ty còn nợ đến hạn phải trả mà chưa trả hết thì chỉ được tăng lương, trích thưởng cho công nhân viên của tổng công ty, kể cả người quản lý sau khi đã trả hết nợ đến hạn.

h) Được quyền sử dụng phần vốn của Nhà nước thu về do chuyển đổi sở hữu các công ty thành viên hạch toán độc lập, các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

i) Quyết định cử, thay đổi, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quy định chế độ phụ cấp và các lợi ích khác có liên quan đối với người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

k) Quyết định việc đầu tư góp vốn; điều chỉnh tỷ lệ vốn đầu tư, vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

l) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn đầu tư của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết; chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đầu tư ra ngoài Tổng công ty.

m) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn đầu tư ở các công ty con, công ty liên kết.

n) Các quyền khác về quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ về tài chính của Tổng công ty:

a) Quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh bao gồm cả phần vốn đầu tư vào công ty khác, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Nhà nước giao, cho thuê; tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính từ vốn đầu tư của Nhà nước và các khoản vốn đầu tư ra ngoài Tổng công ty;

b) Kinh doanh có lãi, bảo đảm chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư do chủ sở hữu giao; đăng ký, kê khai và nộp đủ thuế; thực hiện nghĩa vụ đối với chủ sở hữu nhà nước và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

c) Sử dụng vốn và các nguồn lực khác để thực hiện các hoạt động công ích và các nhiệm vụ đặc biệt khác khi Nhà nước yêu cầu;

d) Chấp hành đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ; chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của Tổng công ty;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo tài chính của Tổng công ty, báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con; công khai tài chính hàng năm và cung cấp các thông tin khác để đánh giá trung thực về hoạt động của Tổng công ty;

e) Lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ; định kỳ báo cáo đầy đủ, chính xác các thông tin về Tổng công ty và báo cáo tài chính của Tổng công ty với cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, cơ quan tài chính và chủ sở hữu theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo;

g) Các nghĩa vụ khác về quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của Tổng công ty với các công ty con, công ty liên kết trong quan hệ phát triển chung của tổ hợp công ty mẹ - công ty con

1. Tổng công ty định hướng chiến lược kinh doanh chung của tổ hợp công ty mẹ - công ty con, phù hợp với điều lệ của các đơn vị thành viên.

Tổng công ty không điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết mà thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty đó để bảo đảm hiệu quả đầu tư vốn và thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển chung của tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

2. Hướng dẫn và phối hợp hoạt động kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong tổ

hợp công ty mẹ - công ty con để tìm kiếm, cung cấp nguồn đầu vào, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng doanh nghiệp đơn lẻ không có khả năng thực hiện hoặc thực hiện kém hiệu quả; hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp vào một số sản phẩm, dịch vụ dẫn đến sự cạnh tranh trong nội bộ, phân tán, lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả kinh doanh chung của tổ hợp công ty mẹ - công ty con; phối hợp các công ty con, công ty liên kết trong việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của nhau khi có nhu cầu.

3. Tổng công ty thực hiện hoạt động nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, hình thành ngân hàng mẫu về nhãn hiệu sản phẩm, ký hợp đồng với các công ty con trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Tổng công ty và thu phí bản quyền sở hữu công nghiệp.

4. Tổng công ty không được lạm dụng quyền chi phối theo vốn góp làm tổn hại đến lợi ích của các công ty con, chủ nợ, cổ đông, thành viên góp vốn khác và các bên có liên quan. Tổng công ty phải tôn trọng quyền của cổ đông, bên có vốn góp thiểu số trong các công ty con, công ty liên kết, phù hợp với quy định trong điều lệ của các doanh nghiệp đó.

5. Trường hợp thực hiện các hoạt động sau đây mà không có sự thỏa thuận với các công ty con, gây thiệt hại cho các công ty con và các bên liên quan thì Tổng công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các công ty đó và các bên liên quan:

a) Buộc công ty con phải ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế không bình đẳng và bất lợi đối với các công ty này;

b) Điều chuyển vốn, tài sản của công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gây thiệt hại cho công ty bị điều chuyển, trừ các trường hợp: điều chuyển theo phương thức thanh toán, quyết định tổ chức lại công ty, thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

c) Điều chuyển một số hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lãi từ công ty con này sang công ty con khác mà không có sự thỏa thuận của công ty bị điều chuyển, dẫn đến công ty đó bị lỗ hoặc giảm sút lợi nhuận nghiêm trọng;

d) Quyết định các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đối với các công ty con trái với điều lệ và pháp luật;

đ) Buộc công ty con cho Tổng công ty hoặc công ty con khác vay vốn với lãi suất thấp với điều kiện vay và thanh toán không hợp lý hoặc phải cung cấp các khoản tiền vay để Tổng công ty, công ty con khác thực hiện các hợp đồng kinh tế có nhiều rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của công ty con đó.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TỔNG CÔNG TY

Điều 14. Các quyền của chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng công ty

1. Quyết định thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu, cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý của Tổng công ty.
2. Quyết định mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn và ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty.
3. Phê duyệt Điều lệ, phê duyệt sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Tổng công ty.
4. Quyết định đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty.
5. Quyết định việc đầu tư, góp vốn đầu tư, liên doanh, liên kết; phê duyệt chủ trương bán tài sản, vay, cho vay, thuê, cho thuê của Tổng công ty; phê duyệt phương án mua công ty thuộc thành phần kinh tế khác theo đề nghị của Hội đồng quản trị Tổng công ty theo quy định của pháp luật về đầu tư.
6. Trình Quốc hội phê chuẩn các dự án đầu tư của Tổng công ty thuộc thẩm quyền của Quốc hội.
7. Quy định chế độ tài chính, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Tổng công ty.
8. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty theo đề nghị của Bộ quản lý ngành và thẩm định của Bộ Nội vụ; chấp thuận để Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc của Tổng công ty.
9. Quy định chế độ tiền lương, phụ cấp tiền lương, tiền thưởng trong Tổng công ty; quy định chế độ tiền lương, phụ cấp lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác

đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Tổng công ty.

10. Chấp thuận đề Hội đồng quản trị Tổng công ty tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện làm công ty thành viên của Tổng công ty.

11. Quy định chế độ đặt hàng, đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ, mức giá bán, mức bù chênh lệch để thực hiện sản xuất, cung ứng các sản phẩm và dịch vụ công ích đối với Tổng công ty.

12. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, thực hiện các quyết định của chủ sở hữu và đánh giá hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

Điều 15. Nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng công ty

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Tổng công ty.
2. Thực hiện đúng và đủ các quy định tại Điều lệ Tổng công ty liên quan đến chủ sở hữu.
3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Tổng công ty.
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi quyết định các dự án đầu tư, phê duyệt chủ trương mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê theo thẩm quyền.
5. Đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm theo pháp luật của Tổng công ty, không can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
6. Không điều chuyển vốn nhà nước đầu tư tại Tổng công ty và vốn, tài sản khác của Tổng công ty theo phương thức không thanh toán, trừ trường hợp quyết định tổ chức lại Tổng công ty hoặc thực hiện các hoạt động sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành Tổng công ty gồm:

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Tổng công ty có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động. Tổng công ty phải trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều lệ khi thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 1 **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 17. Chức năng Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty, là cơ quan quản lý cao nhất của Tổng công ty; thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu các công ty con do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ và đối với phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác.

2. Hội đồng quản trị có quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, chiến lược, nhiệm vụ và quyền lợi của Tổng công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu nhà nước hoặc đã phân cấp cho các cơ quan, tổ chức khác là đại diện chủ sở hữu thực hiện; chịu trách nhiệm trước người quyết định thành lập Tổng công ty, người bổ nhiệm và trước pháp luật về mọi hoạt động của Tổng công ty.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do chủ sở hữu đầu tư cho Tổng công ty.

2. Quyết định các vấn đề sau:

a) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn và hàng năm, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty, sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và của các công ty con do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ, đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp của Tổng công ty; sử dụng quyền chi phối của Công ty mẹ trong việc quyết định chiến lược, kế hoạch kinh doanh dài hạn và hàng năm của các công ty con trong tổ hợp;

b) Các dự án đầu tư, xây dựng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài

sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Tổng công ty nhưng không vượt quá mức cao nhất của dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng; đối với dự án đầu tư là các thiết bị, dây chuyền công nghệ chính của ngành sản xuất thuốc lá, phải được các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan chấp thuận trước khi thực hiện dự án;

c) Các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố, nhượng bán, thanh lý tài sản và các hợp đồng kinh tế khác có giá trị từ trên 10% đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Tổng công ty nhưng không vượt quá mức vốn điều lệ của Tổng công ty;

d) Các dự án đầu tư để thành lập các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc nhiều thành viên hoặc công ty cổ phần nhà nước hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn được phép thành lập mới công ty nhà nước, có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

đ) Các dự án đầu tư khác ra ngoài Tổng công ty, có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Tổng công ty, vượt mức trên phải trình chủ sở hữu quyết định;

e) Trình chủ sở hữu nhà nước quyết định các dự án góp vốn để thành lập công ty liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, đầu tư hoặc góp vốn đầu tư thành lập công ty ở nước ngoài, mua công ty thuộc thành phần kinh tế khác;

g) Phương án huy động vốn để hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động nhưng không làm thay đổi hình thức sở hữu của Tổng công ty; phương án phối hợp kinh doanh của Tổng công ty với các công ty con; điều chỉnh vốn, các nguồn lực khác do Tổng công ty đầu tư tại các công ty con theo Điều lệ của các doanh nghiệp đó;

h) Phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, biên chế và sử dụng bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ Tổng công ty; quy hoạch và đào tạo lao động; lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty ở trong nước và nước ngoài theo đề nghị của Tổng giám đốc; ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc sau khi được sự chấp thuận của người quyết định thành lập Tổng công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối

với Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng của Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc;

k) Chấp thuận đề Tổng giám đốc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với: Giám đốc, kế toán trưởng các công ty phụ thuộc do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ; Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện của Tổng công ty;

l) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty của công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

m) Cử, thay thế, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật đối với người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác theo đề nghị Tổng giám đốc;

n) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh của Tổng công ty do Tổng giám đốc đề nghị; phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế của các công ty con do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ; thông qua báo cáo tài chính hợp nhất của tổ hợp công ty mẹ - công ty con;

o) Phê duyệt các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức lao động, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương áp dụng trong Tổng công ty;

p) Phê duyệt điều lệ của các công ty con do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ; điều lệ hoặc quy chế hoạt động của các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp;

q) Thông qua kế hoạch công tác định kỳ của Ban kiểm soát.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát:

a) Tổng giám đốc Tổng công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và Điều lệ này;

b) Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty và Giám đốc các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty;

c) Các hoạt động tài chính của các công ty con theo Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty, Điều lệ của công ty con và quy định của pháp luật.

4. Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, doanh nghiệp khoa học công nghệ quy định tại Điều 41 Điều lệ này; quyền hạn và nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần, vốn góp tại các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này.

5. Trình chủ sở hữu quyết định hoặc phê duyệt những vấn đề đối với Tổng công ty thuộc thẩm quyền quyết định của chủ sở hữu quy định tại Điều 14 Điều lệ này.

6. Yêu cầu Tổng giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản khi Tổng công ty lâm vào tình trạng phá sản theo quy định của pháp luật.

7. Hội đồng quản trị Tổng công ty chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật và hiệu quả về những quyết định, phê duyệt của mình trong quản lý điều hành Tổng công ty; có trách nhiệm giám sát việc thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình.

8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.
2. Có trình độ đại học, có năng lực quản lý và kinh doanh. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có kinh nghiệm ít nhất 3 năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của công ty.
3. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.
4. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Cơ cấu thành viên, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có tối đa năm (5) thành viên, trong đó có ít nhất 2 thành viên chuyên trách. Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát phải là thành viên chuyên trách.

2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản trị là 5 năm. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bổ nhiệm lại.

4. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Bị tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Tổng công ty;

d) Vi phạm nghiêm trọng các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế của Tổng công ty;

đ) Để Tổng công ty bị lỗ 2 năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được; trừ các trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư vì các lý do bất khả kháng đã giải trình và được chủ sở hữu chấp thuận và trường hợp đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được thay thế, bổ sung trong những trường hợp sau đây:

a) Bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Tự nguyện xin từ chức;

c) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

Điều 21. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Thay mặt Hội đồng quản trị ký nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do chủ sở hữu nhà nước đầu tư cho Tổng công ty; quản lý Tổng công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức nghiên cứu chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư quy mô lớn, phương án đổi mới tổ chức, nhân sự chủ chốt của Tổng công ty để trình Hội đồng quản trị;

c) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; quyết định chương trình, nội dung họp và tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

d) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Thực hiện các quyền khác theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị và người quyết định thành lập Tổng công ty.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, được thực hiện như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 22. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể; họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần. Hội đồng quản trị có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Tổng công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản trị đề nghị hoặc để bàn về những vấn đề cấp bách khác theo yêu cầu của chủ sở hữu của Tổng công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên khác trong Hội đồng quản trị để chủ trì cuộc họp. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không ủy quyền thì các thành viên sẽ lựa chọn một thành viên Hội đồng quản trị chủ trì cuộc họp.

3. Nội dung và các tài liệu cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và các đại biểu được mời dự họp (nếu có) trước ngày họp ít nhất 5 ngày làm việc, trừ trường hợp họp đột xuất.

4. Việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện bằng một trong hai hình thức sau:

a) Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

b) Lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp không cần tổ chức họp.

5. Các cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc cho ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị là quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình nhưng vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Khi bàn về nội dung công việc của Tổng công ty có liên quan đến các vấn đề quan trọng của địa phương nào thì Hội đồng quản trị phải mời đại diện của cấp chính quyền địa phương đó dự họp; trường hợp có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Tổng công ty phải mời đại diện Công đoàn Tổng công ty dự họp. Đại diện các cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết.

7. Đối với các vấn đề cần phải quyết định ngay mà không thể triệu tập họp Hội đồng quản trị hoặc không thể lấy ý kiến bằng văn bản, thì được xử lý kịp thời bằng chế độ hội ý giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các thành viên chuyên trách có mặt, sau đó báo cáo lại Hội đồng quản trị trong cuộc họp gần nhất.

8. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các quyết định được Hội đồng quản trị thông qua và các kết luận của cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi thành biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, kế toán trưởng, cán bộ quản lý của Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Tổng công ty theo quy định Hội đồng quản trị. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác theo đúng yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

10. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy giúp việc của Tổng công ty và một bộ phận thường trực từ 2 đến 3 người để tham mưu, giúp việc cho mình. Hội đồng quản trị có thể sử dụng tư vấn trong khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

11. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, kể cả tiền lương, phụ cấp và thù lao được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia, tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty.

Điều 23. Chế độ lương, phụ cấp, thưởng của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị hưởng chế độ lương theo năm và tiền thưởng tương ứng với kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tiền lương được tạm ứng hàng tháng, quyết toán hàng năm. Tiền thưởng hàng năm được tính theo kết quả kinh doanh hàng năm của công ty, chi trả một phần vào cuối năm, phần còn lại được chi trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ; riêng tiền thưởng năm cuối nhiệm kỳ được tính dựa trên kết quả năm đó và kết quả tăng trưởng của cả nhiệm kỳ.

2. Các thành viên không chuyên trách của Hội đồng quản trị hưởng phụ cấp trách nhiệm và chế độ tiền thưởng theo cơ chế như đối với thành viên chuyên trách.

3. Chế độ lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Mục 2 BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát do Hội đồng quản trị thành lập; có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 25 Điều lệ này.

2. Ban kiểm soát có năm (5) thành viên, do Hội đồng quản trị quyết định, gồm 1 thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị làm Trưởng Ban kiểm soát, các thành viên khác do Hội đồng quản trị lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm, trong đó có 1 thành viên do tổ chức Công đoàn Tổng công ty giới thiệu. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng không được kiêm Trưởng Ban kiểm soát.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của người được cử làm thành viên Ban kiểm soát:

a) Thường trú tại Việt Nam;

b) Có trình độ đại học về nghiệp vụ kinh tế, tài chính - kế toán, kiểm toán hoặc chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không được là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, thủ quỹ tại Tổng công ty; không có vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, kế toán trưởng, thủ quỹ tại Tổng công ty;

đ) Thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát không đồng thời đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo trong bộ máy Nhà nước.

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại.

5. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng tiền lương, tiền thưởng do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định của pháp luật về chế độ lương, thưởng và Luật Doanh nghiệp nhà nước.

6. Chi phí hoạt động, điều kiện làm việc của Ban kiểm soát do Tổng công ty đảm bảo theo quyết định của Hội đồng quản trị.

7. Hội đồng quản trị ban hành quy chế cụ thể về hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản trị phê duyệt, có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm sau đây:

1. Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và việc chấp hành Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Tổng công ty và các công ty do Tổng công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ.

2. Thực hiện nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao, báo cáo Hội đồng quản trị theo định kỳ hàng tháng, quý, năm và theo vụ việc về kết quả kiểm tra, giám sát của mình; kịp thời phát hiện và báo cáo Hội đồng quản trị về những hoạt động không bình thường, trái với quy định về quản trị doanh nghiệp hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

3. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, giám sát khi chưa được Hội đồng quản trị cho phép; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về các hành vi cố ý bỏ qua hoặc bao che cho các vi phạm.

4. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 26. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc kết hợp chế độ làm việc và chịu trách nhiệm tập thể với chế độ làm việc và chịu trách nhiệm cá nhân.

2. Các thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho Trưởng Ban kiểm soát về kết quả thực hiện các công việc được Trưởng Ban kiểm soát phân công.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền bảo lưu ý kiến cá nhân và có quyền báo cáo ý kiến riêng của mình với Hội đồng quản trị.

4. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm xây dựng quy chế hoạt động, lập kế hoạch công tác 6 tháng và hàng năm của Ban kiểm soát, để trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

5. Trưởng Ban kiểm soát trực tiếp tổ chức việc kiểm tra, giám sát những vụ việc phức tạp; tổ chức, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, trực tiếp kiểm tra, giám sát những việc quan trọng khác.

6. Các kết luận của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát, trước khi trình lên Hội đồng quản trị, phải được đưa ra thảo luận tập thể trong cuộc họp của Ban kiểm soát và phải được trên 50% tổng số thành viên tán thành.

Mục 3 TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 27. Chức năng của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 28. Tuyển chọn, bổ nhiệm, ký hợp đồng với Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị tuyển chọn, bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng sau khi được chủ sở hữu chấp thuận.

2. Tổng giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ là 5 năm. Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng với Tổng giám đốc.

3. Người được tuyển chọn làm Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Thường trú tại Việt Nam;

b) Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý công ty; có trình độ đại học trở lên; có chuyên môn về quản trị doanh nghiệp; có ít nhất 3 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty;

c) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Những đối tượng sau đây không được tuyển chọn để bổ nhiệm, ký hợp đồng làm Tổng giám đốc Tổng công ty:

a) Nếu đã làm Tổng giám đốc hoặc Giám đốc công ty nhà nước nhưng đã bị cách chức, miễn nhiệm hoặc bị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;

b) Thuộc đối tượng bị cấm quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Thay thế, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị quyết định việc miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với Tổng giám đốc sau khi được chủ sở hữu chấp thuận trên cơ sở các quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Để Tổng công ty bị lỗ 2 năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hoặc trong 3 năm liên tiếp ở trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu vì các lý do bất khả kháng đã được giải trình và được đại diện chủ sở hữu phê duyệt hoặc do đầu tư, mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;

c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Tổng công ty;

d) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng quản trị giao hoặc không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký với Hội đồng quản trị;

đ) Vi phạm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế quản lý của Tổng công ty;

e) Bị tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

g) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

3. Tổng giám đốc được thay thế trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện xin từ chức hoặc chấm dứt hợp đồng;

b) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và hàng năm của Tổng công ty; phương án huy động vốn, dự án đầu tư, phương án liên doanh, liên kết của Tổng công ty; phương án tổ chức quản lý, quy chế quản lý nội bộ, chức năng nhiệm vụ của bộ máy giúp việc của Tổng công ty; quy hoạch đào tạo lao động; phương án phân phối tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty; Điều lệ của các công ty con do Tổng công ty nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ; phương án phối hợp kinh doanh giữa các công ty con, công ty liên kết; phương án thành lập, tách nhập, giải thể các công ty con do Tổng công ty nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ, mở chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty để trình Hội đồng quản trị.

2. Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức lao động, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương, giá mua, giá bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của Tổng công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước, để trình Hội đồng quản trị phê duyệt và tổ chức thực hiện.

3. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương, phụ cấp đối với: Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng của Tổng công ty; Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty của các công ty con là công ty trách

nhiệm hữu hạn một thành viên; quyết định cử người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và phụ cấp đối với các chức danh sau đây:

a) Giám đốc, kế toán trưởng các công ty hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp của Tổng công ty; Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, của Tổng công ty sau khi được Hội đồng quản trị thông qua;

b) Trưởng, Phó Trưởng phòng (ban) Tổng công ty;

c) Phó giám đốc công ty hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp của Tổng công ty; Phó giám đốc Chi nhánh, Phó Văn phòng đại diện của Tổng công ty theo đề nghị của Giám đốc các đơn vị đó;

d) Các chức danh quản lý khác của Tổng công ty;

đ) Quyết định thành lập các phòng (ban), đơn vị trực thuộc của công ty hạch toán phụ thuộc.

5. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp, thanh lý tài sản và hợp đồng kinh tế khác của Tổng công ty có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính tại quý gần nhất của Tổng công ty nhưng không vượt quá mức vốn điều lệ của Tổng công ty. Thời hạn cho thuê tài sản không được vượt quá thời hạn đảm nhiệm chức vụ, nếu vượt thời hạn này phải trình Hội đồng quản trị quyết định.

Quyết định các dự án đầu tư, xây dựng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính tại quý gần nhất của Tổng công ty nhưng không quá hai (2) lần mức cao nhất của dự án nhóm C theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

6. Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần trong các công ty con, công ty liên kết và các công ty khác; bán tài sản của Tổng công ty; các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê theo quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Ký kết các hợp đồng kinh tế, lao động, dân sự và các giao dịch khác của Tổng công ty. Đối với các hợp đồng có giá trị trên mức phân cấp cho Tổng giám đốc quy định tại khoản 5 của Điều này thì Tổng giám đốc được ký kết sau khi có nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị.

8. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư; thực hiện các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và kế hoạch phối hợp kinh doanh giữa Tổng công ty với các công ty con, công ty liên kết nhằm thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính của Tổng công ty theo quy định của Chính phủ.

10. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

11. Được quyết định áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 31. Chế độ lương, thưởng của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc được hưởng chế độ lương theo năm. Mức tiền lương và tiền thưởng tương ứng với hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định hoặc theo hợp đồng đã ký. Chế độ thanh toán, quyết toán tiền lương, tiền thưởng được thực hiện như đối với các thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị.

Mục 4

NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 32. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải báo cáo với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Hội đồng quản trị phải xem xét đề nghị của Tổng giám đốc. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định, thì Tổng giám đốc vẫn có trách nhiệm thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên người thành lập Tổng công ty.

2. Hàng tháng, quý và năm, Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh trong kỳ và phương hướng kinh doanh trong kỳ tới của Tổng công ty trong thời hạn 7 ngày sau mỗi tháng, 10 ngày sau mỗi quý và 15 ngày sau khi kết thúc năm.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện Hội đồng quản trị dự họp, phát biểu đóng góp ý kiến, Tổng giám đốc kết luận cuộc họp.

4. Trường hợp Tổng giám đốc không là thành viên của Hội đồng quản trị thì được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị, được quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 33. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng chịu trách nhiệm trước người quyết định thành lập Tổng công ty và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng quản trị, kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có nghĩa vụ:

a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nhiệm vụ được giao vì lợi ích của Tổng công ty và của Nhà nước;

b) Không được lợi dụng chức vụ và quyền hạn, sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty để thu lợi riêng cho bản thân và người khác; không được đem tài sản của Tổng công ty cho người khác;

c) Trong thời gian đang thực hiện trách nhiệm là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc và trong thời hạn 3 năm sau khi thôi làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc không được tiết lộ bí mật của Tổng công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

d) Khi Tổng công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị, tìm biện pháp khắc phục và thông báo tình hình tài chính của Tổng công ty cho tất cả chủ nợ biết; trong trường hợp này Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được quyết định tăng tiền lương, không được trích lợi nhuận trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động;

đ) Khi Tổng công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả mà không thực hiện các quy định tại điểm d khoản này thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ;

e) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc vi phạm Điều lệ này, quyết định vượt thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Tổng công ty và Nhà nước thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được thưởng, không được nâng lương và bị xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm:

- a) Để Tổng công ty lỗ;
- b) Để mất vốn nhà nước;
- c) Quyết định dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn đầu tư không trả được nợ;
- d) Không bảo đảm lương và các chế độ khác cho người lao động ở Tổng công ty theo quy định của pháp luật về lao động;
- đ) Để xảy ra các sai phạm về quản lý vốn, tài sản, về chế độ kế toán, kiểm toán và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng các quy định tại Điều 21 Điều lệ này mà để dẫn đến một trong các vi phạm tại khoản 4 của Điều này thì bị miễn nhiệm; tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6. Tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả trong các trường hợp dưới đây thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc bị hạ lương hoặc bị cách chức, đồng thời phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật: để Tổng công ty lỗ hai năm

liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hoặc hai năm liên tiếp ở trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được trừ các trường hợp: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu vì các lý do bất khả kháng đã được giải trình và được đại diện chủ sở hữu phê duyệt hoặc do đầu tư, mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chỉ được giữ các chức danh quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty có vốn đầu tư nước ngoài khi được Tổng công ty, tổ chức nhà nước có thẩm quyền giới thiệu ứng cử vào các chức danh quản lý hoặc cử làm đại diện của Tổng công ty đối với phần vốn góp vào doanh nghiệp đó.

8. Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty không được giữ chức danh kế toán trưởng, thủ quỹ cùng Tổng công ty.

9. Các hợp đồng kinh tế, lao động, dân sự của Tổng công ty ký kết với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, với vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải được thông báo cho người bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc biết. Trường hợp người bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa ký kết thì có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được ký kết hợp đồng đó; nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

10. Tổng công ty lâm vào tình trạng phá sản mà Tổng giám đốc không nộp đơn yêu cầu phá sản thì bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; nếu Tổng giám đốc không nộp đơn mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Tổng giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng.

11. Tổng công ty thuộc diện tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành các thủ tục tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng.

Điều 34. Điều kiện tham gia quản lý công ty khác của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Doanh nghiệp nhà nước.

Mục 5

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 35. Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng

1. Tổng công ty có bốn (4) Phó tổng giám đốc và một kế toán trưởng.

Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng do Hội đồng quản trị tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc với thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

2. Các Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công hoặc ủy quyền; việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng kinh tế hoặc liên quan đến việc sử dụng con dấu của Tổng công ty đều phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền; tiêu chuẩn tuyển chọn kế toán trưởng Tổng công ty thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và các quy định khác của pháp luật.

4. Chế độ lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng của Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Bộ máy giúp việc

1. Hội đồng quản trị quyết định phương án tổ chức, quản lý, biên chế và sử dụng bộ máy quản lý của Tổng công ty.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ được quy định

tại quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty do Tổng giám đốc xây dựng trình Hội đồng quản trị phê duyệt, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành.

3. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản trị thay đổi cơ cấu, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và quy định của pháp luật.

Mục 6

NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 37. Hình thức tham gia quản lý Tổng công ty của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Tổng công ty thông qua các hình thức, tổ chức như sau:

1. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu công nhân, viên chức Tổng công ty.
2. Tổ chức Công đoàn của Tổng công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Nội dung tham gia quản lý Tổng công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau:

- a) Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, tổ chức lại sản xuất của Tổng công ty;
- b) Phương án cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu Tổng công ty;
- c) Các nội quy, quy định, quy chế của Tổng công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;
- d) Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Tổng công ty;

đ) Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng Tổng công ty khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

2. Thông qua Đại hội toàn thể, đại hội Đại biểu công nhân viên chức và tổ chức công đoàn, người lao động có quyền thảo luận và biểu quyết, quyết định các vấn đề sau:

a) Nội dung hoặc sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể để đại diện tập thể người lao động ký kết với Tổng giám đốc;

b) Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch của Tổng công ty có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phù hợp với quy định của Nhà nước;

c) Bầu Ban Thanh tra nhân dân;

d) Đánh giá kết quả hoạt động và chương trình hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

3. Tổ chức Công đoàn tại Tổng công ty giới thiệu một đại diện có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ này tham gia vào Ban kiểm soát Tổng công ty để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

Chương V

ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 39. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty

Tổng công ty có các công ty hạch toán phụ thuộc, các công ty con, công ty liên kết tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được ghi tại Phụ lục kèm theo Điều lệ này.

Điều 40. Quan hệ giữa Tổng công ty với công ty hạch toán phụ thuộc

1. Công ty hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty tổ chức và hoạt động theo chế độ phân cấp hoạt động kinh doanh, hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty quản lý trực tiếp và toàn diện đối với các công ty hạch toán phụ thuộc, có các quyền và nghĩa vụ sau đây đối với các công ty hạch toán phụ thuộc:

a) Quyết định tổ chức lại, cơ cấu tổ chức quản lý; phê duyệt nội dung, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty; tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, chế độ tiền lương, tiền thưởng của Giám đốc, Phó giám đốc, kế toán trưởng công ty, Trưởng, Phó Văn phòng đại diện hoặc các đơn vị phụ thuộc công ty;

b) Quyết định mục tiêu, chiến lược, kế hoạch kinh doanh hàng năm và dài hạn;

c) Quyết định các dự án đầu tư, xây dựng tại công ty; các hợp đồng cho vay, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của công ty; quyết định các hợp đồng khác có giá trị lớn hơn hoặc bằng 30% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính của công ty tại quý gần nhất hoặc các hợp đồng, dự án vượt quá mức vốn nhà nước tại công ty;

Phân cấp cho Giám đốc công ty quyết định các hợp đồng vay, các hợp đồng kinh tế khác có giá trị nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính của công ty tại quý gần nhất, nhưng không vượt quá mức vốn nhà nước tại công ty.

d) Quyết định mức vốn kinh doanh ban đầu và điều chỉnh vốn kinh doanh của công ty;

đ) Quyết định khung giá mua, giá bán sản phẩm, hàng hóa, vật tư, dịch vụ chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của công ty theo đề nghị của Giám đốc công ty;

e) Quyết định mức lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và các khoản khác cho công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty trên cơ sở hiệu quả kinh doanh của công ty;

g) Quyết định kế hoạch lao động, kế hoạch tiền lương, đơn giá tiền lương của công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty; thông qua phương án trả lương theo đề nghị của Giám đốc công ty;

h) Thông qua để Giám đốc công ty bổ nhiệm Trưởng, Phó phòng ban của công ty; phân cấp cho Giám đốc công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh quản lý khác trong công ty không thuộc thẩm quyền của Tổng công ty;

i) Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của công ty;

k) Tài sản, nguồn vốn, kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty được hạch toán tập trung tại Tổng công ty;

l) Tổng công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các công ty hạch toán phụ thuộc;

m) Bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm của công ty;

n) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Quan hệ giữa Tổng công ty với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, quy định của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành

công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Tổng công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp này trong phạm vi số vốn của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp.

3. Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ sau đây đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a) Quyết định chiến lược phát triển; phê duyệt Điều lệ khi được thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty;

b) Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ công ty theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty;

c) Quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;

d) Quyết định dự án đầu tư, mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, thế chấp cầm cố tài sản và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty quyết định các dự án đầu tư, mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty;

e) Phân cấp cho Hội đồng quản trị công ty hoặc Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương, thưởng và các lợi ích khác đối với:

- Giám đốc, kế toán trưởng công ty, sau khi được chủ sở hữu Công ty chấp thuận;

- Phó giám đốc, theo đề nghị của Giám đốc công ty;

g) Tổ chức giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty, hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị hoặc của Chủ tịch công ty;

h) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyết định phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của công ty theo văn bản trình của Hội đồng quản trị hoặc của Chủ tịch công ty;

i) Quyết định hình thức và các biện pháp tổ chức lại công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;

k) Phải đầu tư vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết;

l) Thực hiện đúng các quy định tại Điều lệ của Công ty;

m) Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê giữa công ty và chủ sở hữu;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

o) Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp các thông tin cần thiết để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của tổ hợp.

Điều 42. Quan hệ giữa Tổng công ty với công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh

1. Công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh trong nước và nước ngoài, công ty ở nước ngoài có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo pháp luật quy định về loại hình công ty đó.

2. Tổng công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông, thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối tại công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các công ty con này.

3. Tổng công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở công ty con thông qua người đại diện trực tiếp quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các công ty này (sau đây gọi tắt là người đại diện quản lý phần vốn góp).

4. Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

a) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện quản lý phần vốn góp;

b) Yêu cầu người đại diện quản lý phần vốn góp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con;

c) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện quản lý phần vốn góp xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại công ty con; báo cáo việc sử dụng quyền của cổ đông, thành viên có cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Tổng công ty;

d) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình tại các công ty con;

đ) Giám sát và kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các công ty con;

e) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đã góp vào các công ty con.

Điều 43. Quan hệ giữa Tổng công ty với công ty liên kết

1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.

2. Tổng công ty cử người đại diện quản lý phần vốn góp để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, bên góp vốn, bên liên doanh theo điều lệ của công ty liên kết hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết.

Điều 44. Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết

1. Người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết, phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, là người của Tổng công ty;

b) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

c) Hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Có trình độ đại học về kinh tế, tài chính, kế toán hoặc trong lĩnh vực kinh doanh chính của công ty con, công ty liên kết mà người đó được cử làm người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng công ty;

Đối với người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết là các công ty liên doanh với nước ngoài, phải có trình độ ngoại ngữ cần thiết để giao dịch;

đ) Không phải là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của những người là đại diện chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, kế toán trưởng của các công ty con, công ty liên kết mà người đó được giao quản lý phần vốn góp của Tổng công ty; Không có quan hệ

(với tư cách cá nhân) góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với các công ty con, công ty liên kết mà người đó được giao quản lý phần vốn góp của Tổng công ty, trừ trường hợp có cổ phần tại doanh nghiệp được cổ phần hóa.

2. Người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết được đề cử hoặc tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Chủ tịch Công ty, Giám đốc của doanh nghiệp đó phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của các doanh nghiệp đó.

3. Người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Đại diện cho Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại các công ty con, công ty liên kết. Sử dụng quyền của người có cổ phần, vốn góp chi phối để định hướng công ty con thực hiện chiến lược, mục tiêu của Tổng công ty;

b) Trực tiếp tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của công ty con, công ty liên kết theo quy định của điều lệ doanh nghiệp đó;

c) Theo dõi và giám sát tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết; thực hiện báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty;

d) Xin ý kiến Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty con về: phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; kế hoạch đầu tư, dự án đầu tư; sửa đổi, bổ sung điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; chia lợi tức; bán tài sản có giá trị lớn. Trường hợp nhiều người được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp cùng tham gia Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của công ty con, công ty liên kết thì phải cùng nhau bàn bạc và thống nhất ý kiến khi phát biểu và biểu quyết, nếu không thống nhất ý kiến phải báo cáo Hội đồng quản trị Tổng công ty để chỉ đạo;

đ) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Tổng công ty về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết mà mình được giao trực tiếp quản lý. Trường hợp không thực hiện chế độ

báo cáo theo quy định, thiếu trách nhiệm, lợi dụng quyền hạn gây thiệt hại cho công ty và Tổng công ty thì phải chịu trách nhiệm, bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty;

e) Người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng công ty hưởng chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm và các lợi ích khác theo quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty phù hợp với các quy định của pháp luật.

Chương VI

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Điều 45. Tăng, giảm, điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty ghi tại Điều 5 Điều lệ này là vốn của chủ sở hữu nhà nước đầu tư tại Tổng công ty ở thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2005.

2. Trong quá trình hoạt động, vốn điều lệ có thể tăng lên từ các nguồn sau:

a) Lợi nhuận sau thuế bổ sung vào vốn điều lệ, kể cả lợi nhuận sau thuế của công ty con có 100% vốn điều lệ của Tổng công ty và cổ tức được chia từ các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty;

b) Vốn do chủ sở hữu bổ sung cho Tổng công ty từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn khác;

c) Chủ sở hữu giao hoặc ủy quyền cho Tổng công ty thực hiện chức năng chủ sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của doanh nghiệp khác tham gia làm đơn vị thành viên của Tổng công ty.

3. Việc điều chỉnh tăng hay giảm vốn điều lệ của Tổng công ty do Đại diện chủ sở hữu quyết định sau khi thỏa thuận với Bộ Tài chính.

4. Mọi trường hợp tăng, giảm vốn điều lệ, Tổng công ty phải tiến hành điều chỉnh kịp thời trong bảng cân đối kế toán, công bố vốn điều lệ và làm thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ trong Điều lệ này.

5. Chủ sở hữu chỉ được rút vốn đã đầu tư vào Tổng công ty trong trường hợp điều chỉnh giảm vốn điều lệ nhưng vẫn bảo đảm khả năng thanh toán của Tổng công ty. Trường hợp không điều chỉnh vốn điều lệ thì chủ sở hữu chỉ được rút vốn thông qua hình thức chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn cho các tổ chức, cá nhân khác.

6. Đối với vốn chủ sở hữu đã cam kết bổ sung cho Tổng công ty thì chủ sở hữu có trách nhiệm đầu tư đủ vốn theo đúng hạn đã cam kết. Trường hợp sau 2 năm chủ sở hữu không đầu tư đầy đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì chủ sở hữu phải điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty.

Điều 46. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của Tổng công ty

1. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của Tổng công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty do Hội đồng quản trị xây dựng và trình Bộ Tài chính quyết định.

2. Nội dung Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty được xây dựng trên nguyên tắc quản lý tài chính công ty nhà nước theo quy định của Nhà nước.

Quy chế quản lý tài chính tối thiểu phải gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Cơ chế quản lý vốn và tài sản của Tổng công ty;

b) Cơ chế quản lý doanh thu, chi phí, giá thành của Tổng công ty, trong đó quy định cụ thể thẩm quyền Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ của Tổng công ty; quyết định việc mua tài phiếu, tín phiếu; quyết định mức chi phí giao dịch, môi giới, quảng cáo, tiếp khách, mức thu phí bản quyền, mức chi phí tiếp thị khuyến mãi, hội họp, mức trích khấu hao tài sản cố định không thấp hơn mức tối thiểu do Bộ Tài chính quy định;

c) Cơ chế quản lý kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối lợi nhuận, các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của Tổng công ty;

d) Mọi quan hệ về tài chính giữa Tổng công ty với các công ty con và công ty liên kết.

Điều 47. Kế hoạch tài chính, kế toán, kiểm toán

1. Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm dương lịch và kết thúc ngày 31 tháng 12 cùng năm.

2. Vào quý IV của năm trước năm tài chính, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính cho năm sau của Tổng công ty, của tổ hợp công ty mẹ - công ty con, công ty liên kết.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo chủ sở hữu kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính hàng năm của Tổng công ty làm căn cứ để giám

sát và đánh giá kết quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

4. Trong thời hạn quy định của Nhà nước, sau khi kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính trong kỳ kế toán của Tổng công ty và toàn bộ tổ hợp công ty mẹ - công ty con. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ thông qua các báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu báo cáo tài chính và gửi báo cáo tài chính, đến các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

5. Tổng công ty thực hiện chế độ kiểm toán theo quy định của pháp luật, thực hiện công khai tình hình tài chính theo quy định của Nhà nước.

6. Tổng công ty chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Chương VII TỔ CHỨC LẠI TỔNG CÔNG TY

Điều 48. Tổ chức lại Tổng công ty

1. Việc tổ chức lại, hình thức tổ chức lại Tổng công ty do người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật quyết định. Trình tự, thủ tục tổ chức lại được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Khi được tổ chức lại, Tổng công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Chuyển đổi sở hữu Tổng công ty

Tổng công ty thực hiện chuyển đổi sở hữu theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Tổng công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa lâm vào tình trạng phá sản;

b) Tổng công ty không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

c) Việc tiếp tục duy trì Tổng công ty là không cần thiết.

2. Tổng công ty thực hiện việc giải thể theo trình tự, thủ tục giải thể do pháp luật quy định.

Điều 51. Phá sản Tổng công ty

Khi chủ nợ có yêu cầu thanh toán nợ đến hạn mà Tổng công ty lâm vào tình trạng không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn, thì người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Tổng công ty. Tổng công ty tiến hành các thủ tục phá sản theo quy định của Luật Phá sản.

Chương VIII SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 52. Sổ sách, hồ sơ Tổng công ty và quyền tiếp cận

1. Định kỳ, Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi cho chủ sở hữu những tài liệu theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính, thống kê.

2. Trong trường hợp đột xuất, chủ sở hữu có quyền yêu cầu bằng văn bản Hội đồng quản trị cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào có liên quan đến việc tổ chức thực hiện quyền của chủ sở hữu quy định tại Điều lệ này.

3. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị và báo cáo để Hội đồng quản trị cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của chủ sở hữu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, các cán bộ quản lý của Tổng công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty.

5. Người lao động trong Tổng công ty có quyền tìm hiểu thông tin về Tổng công ty thông qua Đại hội công nhân viên chức, Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 53. Công khai thông tin

1. Tổng giám đốc là người thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty về công khai thông tin và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định này. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định của pháp luật.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương IX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ Tổng công ty hoặc tranh chấp liên quan đến quan hệ giữa đại diện chủ sở hữu và Tổng công ty, giữa đại diện chủ sở hữu và Hội đồng quản trị, giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc được căn cứ theo Điều lệ này.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp theo Điều lệ này không được các bên chấp thuận, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa ra các cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp để giải quyết.

Điều 55. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Thủ tướng Chính phủ quyết định.
2. Hội đồng quản trị Tổng công ty có quyền kiến nghị Thủ tướng Chính phủ về phương án sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.
2. Tất cả các đơn vị và cá nhân thuộc Tổng công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

Điều lệ này được ban hành tại thành phố Hà Nội./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG
Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT,
ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC
CỦA TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 119/2006/QĐ-TTg
ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

A. CÁC CÔNG TY CON

I. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

1. Công ty Thuốc lá Sài Gòn.
2. Công ty Thuốc lá Thăng Long.
3. Công ty Thuốc lá Bắc Sơn.
4. Công ty Thuốc lá Thanh Hóa.
5. Công ty Thuốc lá Long An.
6. Công ty Thuốc lá Bến Tre.
7. Công ty Thuốc lá Đồng Tháp.
8. Công ty Thuốc lá An Giang.
9. Công ty Thuốc lá Cửu Long.

II. Công ty cổ phần:

1. Công ty cổ phần Cát Lợi.
2. Công ty cổ phần Hòa Việt.
3. Công ty cổ phần Ngân Sơn.
4. Công ty cổ phần Bánh Kẹo Hải Hà.

III. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên:

1. Công ty Thuốc lá Đà Nẵng.

IV. Doanh nghiệp khoa học công nghệ:

1. Viện Kinh tế - Kỹ thuật Thuốc lá.

V. Công ty liên doanh với nước ngoài:

1. Công ty Liên doanh Bánh Kẹo Hải Hà - Kotobuki.
2. Công ty Liên doanh Thuốc lá Vinasal.

B. CÔNG TY LIÊN KẾT

1. Công ty Liên doanh BAT - VINATABA.
2. Công ty Liên doanh VINATOYO.
3. Tổng công ty cổ phần Bảo Minh.
4. Ngân hàng cổ phần EXIMBANK.

C. ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC TỔNG CÔNG TY

1. Công ty Thương mại Thuốc lá.
2. Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá./.